

Bản án số: 81/2023/HS-PT
Ngày 12-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S, Bùi Thị P, Trần Văn H, Nguyễn Hữu P1 và Trần Quốc A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2023/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Minh V sinh năm 1976 tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: tổ X, ấp Y, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: nhà khu phân lô, tổ X, ấp V, phường T4, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Minh T3 và bà Đỗ Thị H1; có vợ là bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đỗ Hùng S sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: tổ X, ấp Y, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú: tổ X, khu phố V, phường T4, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Q và bà Tạ Thị H2; có vợ là bà Nguyễn Thị H3 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 05/12/1998, bị Công an huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi vi phạm trật tự công cộng; bị bắt tạm giữ từ ngày

02/7/2022 đến ngày 11/7/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Bùi Thị P (tên gọi khác: Cẩm T5) sinh năm 1980 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: ấp L1, xã L2, huyện C1, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: nhà trọ Võ Văn H4, tổ X, khu phố Y, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H5 và bà Trần Thị M; có chồng là ông Phạm Văn N và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án: ngày 31/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 15.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2016/HS-ST); tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Trần Văn H sinh năm 1980 tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: tổ X, ấp Y, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T6 và bà Nguyễn Thị U; có vợ là bà Trần Thị Kim T7 và 02 con (sinh năm 2009 và năm 2023); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/3/2020, bị Công an phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48/QĐ-XPHC); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2022 đến ngày 14/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Hữu P1 sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: tổ X, khu phố Y, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T8; có vợ là bà Bùi Hồng M và có 02 con (sinh năm 2014 và năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Trần Quốc A sinh năm 1963 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi thường trú: khu phố X, thị trấn T9, huyện T9, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1 và bà Dương Thị M1; có vợ là bà Lê Thị V1 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1986); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Phan Ngọc T10 là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn T10; địa chỉ: số 109/47/6, đường số 8, phường L3, thành phố T11, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Ngoài ra, có 01 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S, Bùi Thị P, Trần Văn H, Nguyễn Hữu P1 và Trần Quốc A là bạn của nhau. Các bị cáo V, A, H và S cùng làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K (sau đây viết tắt là Công ty K).

Khoảng 07 giờ ngày 01/7/2022, khi đang ngồi uống nước thì bị cáo V rủ bị cáo S đánh bài binh xập xám, bị cáo S đồng ý. Bị cáo S mua 02 bộ bài tây 52 lá rồi cùng bị cáo V đi vào Công ty K. Lúc này, bị cáo S gặp bị cáo P1 và bị cáo P đang đi đến Công ty K chơi nên bị cáo S rủ bị cáo P1 và bị cáo P tham gia đánh bạc thì bị cáo P1 và bị cáo P đồng ý. Sau đó, các bị cáo V, S, P1 và P cùng tham gia đánh bạc tại khu nhà ở của Công ty K. Các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài binh xập xám, mỗi ván đặt cược từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo A đi qua khu nhà ở của Công ty K thì thấy các bị cáo V, S, P1 và P đang đánh bạc nên vào cùng tham gia đánh bạc, ngồi chung tụ với bị cáo P1 (bị cáo A là người đánh bài, tiền thắng, thua thì chia đều). Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo H đi ngang qua khu nhà ở của Công ty K thì thấy các bị cáo V, S, P1, A và P đang đánh bạc nên vào ngồi chung tụ với bị cáo P (bị cáo H là người đánh bài, tiền thắng, thua thì chia đều).

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an phường Uyên Hưng, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra, bắt quả tang các bị cáo V, P, H, S, A và P1 đang đánh bạc, thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, 01 bộ bài tây chưa qua sử dụng, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 19.500.000 đồng, thu giữ trong người bị cáo H số tiền 7.290.000 đồng, thu giữ trong người bị cáo P1 3.000.000 đồng và thu giữ trong người bị cáo A 3.150.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

- Bị cáo P mang theo 3.800.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, bị cáo P thua hết 3.800.000 đồng.

- Bị cáo P1 mang theo 4.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, bị cáo P1 thua 1.000.000 đồng, bị thu giữ trên người 3.000.000 đồng.

- Bị cáo S mang theo 5.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, bị cáo S thua 300.000 đồng, bị thu giữ tại chiếu bạc 4.700.000 đồng.

- Bị cáo H mang theo 10.290.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, bị cáo H thua 2.100.000 đồng, bị thu giữ tại chiếu bạc 900.000 đồng, bị thu giữ trong người 7.290.000 đồng.

- Bị cáo V mang theo 7.350.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, bị cáo V thắng 5.350.000 đồng, bị thu giữ tại chiếu bạc 12.700.000 đồng.

- Bị cáo A mang theo 2.500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt, bị cáo A thắng 1.850.000 đồng, bị thu giữ tại chiếu bạc 1.200.000 đồng, bị thu giữ trong người 3.150.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 32.940.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2023/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S, Trần Văn H, Nguyễn Hữu P1, Trần Quốc A và Bùi Thị P phạm tội Đánh bạc.

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Võ Minh V 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Hùng S 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2022 đến ngày 14/12/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P1 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc A 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị P 01 (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, bị cáo V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được xử phạt hình phạt tiền hoặc cho hưởng án treo với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, bị cáo đã biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, bị cáo P1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được xử phạt hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo với lý do mức hình

phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi 02 con nhỏ; bị cáo đã biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, bị cáo S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do bị cáo đã biết ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị cáo H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được xử phạt hình phạt tiền với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang phải cấp dưỡng nuôi con và nuôi con nhỏ.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị cáo P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được xử phạt hình phạt tù 06 tháng với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang phải lo cho cha mẹ già và nuôi con nhỏ.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị cáo A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được xử phạt hình phạt tiền với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng; bị cáo đã biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, đã lớn tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Sau khi xét xử sơ thẩm, tất cả các bị cáo V, S, P, H, P1, A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xử phạt tiền và hưởng án treo. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo V nảy sinh ý định chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền nên rủ bị cáo S chơi; bị cáo S mua bài và rủ các bị cáo P, P1 tham gia chơi và tất cả các bị cáo cùng đặt tiền chơi đánh bài thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 32.940.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo V có vai trò nảy sinh và sử dụng số tiền 7.350.000 đồng để đánh bạc; bị cáo S có vai trò rủ rê đồng phạm khác, cung cấp công cụ phạm tội, có nhân thân từng bị xử hành chính về hành vi vi phạm pháp luật khác và sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo H có nhân thân xấu (đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc) và sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất (10.290.000 đồng); bị cáo P có 01 tiền án (đã bị xử phạt tiền về tội “Đánh bạc”, chưa xóa án tích). Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo V, S, P, H là phù hợp. Riêng các bị cáo P1, A đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn (từ 2.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng), Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù giam với mức hình phạt 06 tháng tù đối với các bị cáo P1, A là chưa phù hợp mà việc xử phạt tiền đối với các bị cáo P1, A cũng đảm bảo răn đe, giáo dục

và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, S, P, H; có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo P1, A. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, S, P, H; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo P1, A. Sửa một phần Bản án sơ thẩm, xử phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với các bị cáo P1, A.

- Bị cáo V tự bào chữa: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt nhẹ nhất có thể cho bị cáo.

- Bị cáo S tự bào chữa: bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, đây là lần đầu bị cáo phạm tội. Bị cáo đã biết ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo P tự bào chữa: bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là trụ cột trong gia đình, phải nuôi mẹ già, con nhỏ.

- Bị cáo H tự bào chữa: thời gian bị tạm giam bị cáo đã rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về phụ giúp gia đình, nuôi con ăn học.

- Bị cáo P1 tự bào chữa: thời gian bị tạm giữ bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo A tự bào chữa: thời gian bị tạm giữ bị cáo đã rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt nhẹ nhất có thể cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: đồng tình với Bản án sơ thẩm vì đã xét xử đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo H là quá nghiêm khắc, mất đi sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với những người phạm tội đã biết ăn năn, hối cải. Bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét khía cạnh khoan hồng, nhân đạo để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo H từ 09 tháng tù xuống còn 07 tháng tù để bị cáo sớm về với gia đình, lo cho vợ con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối đáp: bị cáo H có nhân thân xấu, sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo H trình bày ý kiến tranh luận: bị cáo H đã bị tạm giam 05 tháng, đã biết ăn năn hối cải, mong được sửa sai. Thời gian tạm giam 05 tháng cũng đã đủ là hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo H.

Bị cáo V nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

Bị cáo S nói lời sau cùng: bị cáo lần đầu đánh bạc, đã biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo P nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo còn có mẹ già trên 80 tuổi. Bị cáo mong có cơ hội để lo cho mẹ già, con nhỏ.

Bị cáo H nói lời sau cùng: trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã biết ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về phụ giúp gia đình.

Bị cáo P1 nói lời sau cùng: bị cáo thấy rất ăn năn hối hận, nhận thức được hành vi của mình là sai trái. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo để về nuôi mẹ già, con nhỏ.

Bị cáo A nói lời sau cùng: thời gian bị tạm giữ 09 ngày, bị cáo đã biết ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: ngày 01/7/2022 tại Công ty K thuộc khu phố X, phường U, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S, Nguyễn Hữu P1, Trần Văn H và Trần Quốc A, Bùi Thị P đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài binh xập xám với tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 32.940.000 đồng, trong đó bị cáo P sử dụng 3.800.000 đồng, bị cáo P1 sử dụng 4.000.000 đồng, bị cáo S sử dụng 5.000.000 đồng, bị cáo H sử dụng 10.290.000 đồng, bị cáo V sử dụng 7.350.000 đồng và bị cáo A sử dụng 2.500.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo V, P1, P, S, H và A phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Các bị cáo V, P1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, được áp dụng hình phạt phạt tiền hoặc xin hưởng án treo. Bị cáo S kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo P kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo H, A kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được áp dụng hình phạt tiền.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Bị cáo S cung cấp đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không áp dụng là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (đối với bị cáo P) và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo V có vai trò là người khởi xướng, rủ bị cáo S cùng tham gia đánh bạc, trực tiếp tham gia và sử dụng 7.350.000 đồng để đánh bạc. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

Bị cáo S có vai trò là người chuẩn bị 02 bộ bài, rủ các bị cáo P1, P cùng tham gia đánh bạc, trực tiếp tham gia và sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 1998 về hành vi vi phạm trật tự công cộng. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Bị cáo H trực tiếp tham gia và sử dụng 10.290.000 đồng để đánh bạc. Trong vụ án, bị cáo H là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất. Mặt khác, bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” vào năm 2020 những vẫn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H cũng như không có cơ sở áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

Bị cáo P trực tiếp tham gia và sử dụng 3.800.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt tiền về tội “Đánh bạc” những vẫn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tù là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo P sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn

các bị cáo H, V, S và vai trò của bị cáo P thấp hơn bị cáo H nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P là nặng, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo P1, A trực tiếp tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, các bị cáo P1, A có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và số tiền các bị cáo P1, A sử dụng vào việc đánh bạc ít hơn các bị cáo V, H, S. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo P1, A hình phạt tù là nặng, không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc áp dụng hình phạt tiền (theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự) là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, kháng cáo của các bị cáo P1, A về xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở chấp nhận.

Các bị cáo V, S kháng cáo xin được hưởng án treo. Mặc dù các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo V là người khởi xướng việc đánh bạc, rủ bị cáo S cùng đánh bạc; bị cáo S là người chuẩn bị công cụ phục vụ việc đánh bạc, rủ các bị cáo P1, P cùng tham gia đánh bạc. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy việc cho các bị cáo V, S được hưởng án treo sẽ gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội cũng như ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm đánh bạc nói riêng đang gia tăng trên địa bàn tỉnh Bình Dương như hiện nay. Vì vậy, các bị cáo V, S không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo V, S.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, S, H và đề nghị xử phạt tiền đối với các bị cáo P1, A là có cơ sở chấp nhận. Riêng đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P là chưa phù hợp.

[7] Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị giảm mức hình phạt cho bị cáo H 02 tháng tù là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm:

Kháng cáo của các bị cáo V, S, H không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Kháng cáo của các bị cáo P, P1, A được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, các điểm a, b khoản 1 Điều 355, các điểm c, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Trách nhiệm hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S và Trần Văn H. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị P, Nguyễn Hữu P1 và Trần Quốc A. Giữ nguyên phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2023/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S và Trần Văn H; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị P, Nguyễn Hữu P1, Trần Quốc A:

Tuyên bố các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S, Trần Văn H, Nguyễn Hữu P1, Trần Quốc A và Bùi Thị P phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Võ Minh V 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2022 đến ngày 14/12/2022.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hùng S 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Bùi Thị P 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P1 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc A 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm b, h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (sau đây viết là Nghị quyết số 326) và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết

này,

Các bị cáo Võ Minh V, Đỗ Hùng S và Trần Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Bùi Thị P, Nguyễn Hữu P1 và Trần Quốc A không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (12);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (6);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (6);
- Ủy BA nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo) (6);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, 40.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hoàng